

Điều 35.- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và người đứng đầu các tổ chức sử dụng đất chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 36.- Nghị định này thay thế Nghị định số 18-CP ngày 13-2-1995 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

T.M. Chính phủ
Thủ tướng
VÕ VĂN KIẾT

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 86-CP
ngày 19-12-1996 ban hành Quy
chế Bán đấu giá tài sản.**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ vào Điều 454 của Bộ Luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Ban hành kèm theo Nghị định này bản Quy chế Bán đấu giá tài sản.

Điều 2.- Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quy chế ban hành kèm theo Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3.- Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này.

T.M. Chính phủ
K.T. Thủ tướng
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHAI

QUY CHẾ Bán đấu giá tài sản

*(ban hành kèm theo Nghị định số 86-CP
ngày 19-12-1996).*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Phạm vi áp dụng.

1. Quy chế này áp dụng cho việc bán đấu giá tài sản thông qua tổ chức dịch vụ bán đấu giá của Nhà nước và các tổ chức kinh doanh dịch vụ bán đấu giá chuyên nghiệp.

2. Thủ tục bán đấu giá quy định tại Quy chế này cũng được áp dụng đối với việc bán đấu giá tài sản thông qua cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bán đấu giá theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp các luật, pháp lệnh có quy định thủ tục bán đấu giá khác.

Điều 2.- Giải thích từ ngữ.

Các từ ngữ trong Quy chế này được hiểu như sau:

1. *Bán đấu giá* là hình thức bán tài sản công khai mà có nhiều người muốn mua tham gia trả giá theo thủ tục được quy định tại Quy chế này; người trả giá cao nhất và ít nhất bằng giá khởi điểm là người được mua tài sản bán đấu giá đó;

2. *Người bán đấu giá* là Trung tâm dịch vụ bán đấu giá do Sở Tư pháp trực tiếp quản lý hoặc các tổ chức kinh doanh dịch vụ bán đấu giá chuyên nghiệp do Sở Tư pháp quản lý về nghiệp vụ;

3. *Người bán tài sản* là chủ sở hữu tài sản hoặc là người được chủ sở hữu ủy quyền bán hoặc là người có quyền bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật;

4. *Người tham gia đấu giá* là cá nhân, tổ chức;

5. *Người điều hành bán đấu giá* là người do người bán đấu giá cử ra để điều hành cuộc bán đấu giá;

6. *Tài sản bán đấu giá* có thể là động sản hoặc bất động sản được phép giao dịch.

Điều 3.- Nguyên tắc bán đấu giá.

Việc bán đấu giá tài sản thực hiện theo nguyên tắc trực tiếp công khai, trung thực, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên tham gia.

Chương II

NGƯỜI BÁN ĐẦU GIÁ

Điều 4.- Người bán đầu giá.

1. Người bán đầu giá là Trung tâm dịch vụ bán đầu giá được thành lập theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, do Sở Tư pháp trực tiếp quản lý.

Trung tâm bán đầu giá thuộc Sở Tư pháp là đơn vị hành chính sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có tài khoản riêng và con dấu riêng.

2. Người bán đầu giá cũng có thể là doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo Luật Doanh nghiệp nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần được thành lập theo Luật Công ty hoạt động bán đầu giá chuyên nghiệp và không kinh doanh ngành nghề khác do Sở Tư pháp quản lý về nghiệp vụ.

Điều 5.- Nghĩa vụ của người bán đầu giá.

Người bán đầu giá có các nghĩa vụ sau đây:

1. Tổ chức bán đầu giá tài sản theo đúng nguyên tắc và thủ tục quy định tại Quy chế này;
2. Thông báo, niêm yết công khai, đầy đủ, chính xác các thông tin cần thiết có liên quan đến tài sản bán đầu giá;
3. Bảo quản tài sản bán đầu giá khi được giao giữ như tài sản của chính mình;
4. Trưng bày, cho xem và tham khảo hồ sơ tài sản bán đầu giá theo quy định của Quy chế này;
5. Thực hiện ghi chép về việc bán đầu giá vào Sổ đăng ký bán đầu giá tài sản và lập Văn bản bán đầu giá tài sản;
6. Giao tài sản bán đầu giá cho người mua theo quy định tại Điều 25 và Điều 26 của Quy chế này;
7. Làm thủ tục chuyển quyền sở hữu đối với tài sản bán đầu giá mà theo quy định của pháp luật tài sản đó phải đăng ký quyền sở hữu;
8. Thanh toán cho người bán tài sản tiền đã bán hoặc trả lại tài sản không bán được cho người bán theo thỏa thuận; nếu không có thỏa thuận thì phải thanh toán tiền cho người bán tài sản chậm nhất là ba ngày sau khi nhận được tiền của người mua tài sản hoặc phải trả lại tài sản trong thời hạn chậm nhất là ba ngày sau cuộc bán đầu giá;
9. Bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ gây ra;
10. Nộp thuế theo quy định của pháp luật.

Điều 6.- Quyền của người bán đầu giá.

Người bán đầu giá có các quyền sau đây:

1. Yêu cầu người bán tài sản cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin cần thiết liên quan đến tài sản bán đầu giá và phải chịu trách nhiệm về các thông tin đó;
2. Tham gia cùng người bán tài sản định giá khởi điểm đối với tài sản bán đầu giá hoặc định giá khởi điểm trong trường hợp được người bán tài sản ủy quyền;
3. Nhân danh người bán tài sản thực hiện bán đầu giá;
4. Yêu cầu người mua tài sản thực hiện việc thanh toán theo quy định tại các Điều từ Điều 22 đến Điều 24 của Quy chế này;
5. Thu lệ phí do người bán tài sản trả theo quy định tại Điều 27 của Quy chế này.

Chương III

THỦ TỤC BÁN ĐẦU GIÁ

Điều 7.- Hợp đồng ủy quyền bán đầu giá tài sản.

1. Người bán đầu giá chỉ được tiến hành bán đầu giá tài sản sau khi ký kết hợp đồng ủy quyền bán đầu giá tài sản với người bán tài sản. Hợp đồng ủy quyền phải được lập thành văn bản, và có nội dung sau đây:

- a) Tên, địa chỉ của người bán tài sản;
- b) Tên, địa chỉ của người bán đầu giá;
- c) Thời hạn, địa điểm bán đầu giá;
- d) Liệt kê, mô tả chi tiết tài sản đem bán đầu giá;
- đ) Giá khởi điểm của tài sản;
- e) Thời hạn, phương thức giao tài sản;
- g) Lệ phí;
- h) Thời hạn, địa điểm, phương thức thanh toán;
- i) Quyền, nghĩa vụ của các bên;
- k) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng;
- l) Các thỏa thuận khác.

2. Trong trường hợp bán đầu giá tài sản để thi hành án, hoặc để thi hành các quyết định xử lý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác, thì hợp đồng ủy quyền bán đầu giá tài sản được ký kết giữa các cơ quan này và người bán đầu giá.

3. Trong trường hợp xử lý tài sản cầm cố, thế chấp bằng biện pháp bán đấu giá để thực hiện nghĩa vụ dân sự, thì hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản được ký kết giữa người bán đấu giá, người nhận cầm cố, người nhận thế chấp và người cầm cố, thế chấp. Nếu trong hợp đồng cầm cố, thế chấp có thỏa thuận về việc bán đấu giá mà người cầm cố, thế chấp vắng mặt không có lý do chính đáng hoặc từ chối ký kết hợp đồng bán đấu giá, thì hợp đồng ủy quyền bán đấu giá được ký kết giữa người nhận cầm cố, người nhận thế chấp với người bán đấu giá.

4. Trong trường hợp bán đấu giá quyền sử dụng đất, thì hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản được ký kết khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép bán đấu giá.

Điều 8.- Xác định giá khởi điểm.

1. Người bán tài sản xác định giá khởi điểm với sự tham gia của người bán đấu giá.

2. Người bán đấu giá xác định giá khởi điểm trong trường hợp được người bán tài sản ủy quyền, và phải báo cho người bán tài sản trước khi thông báo công khai về việc bán đấu giá.

3. Trong trường hợp tài sản bán đấu giá là tài sản cầm cố, thế chấp thì người nhận cầm cố, người nhận thế chấp cùng người cầm cố, người thế chấp xác định giá khởi điểm với sự tham gia của người bán đấu giá. Nếu người nhận cầm cố, người nhận thế chấp là người bán tài sản theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 của Quy chế này, thì giá khởi điểm do người bán đấu giá xác định, với sự tham gia của người bán tài sản.

Điều 9.- Giám định tài sản.

Tài sản bán đấu giá có thể được giám định. Chi phí giám định do người yêu cầu giám định chịu, nếu các bên không có thỏa thuận khác.

Điều 10.- Đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản.

Người bán tài sản và người bán đấu giá chỉ được đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 593 của Bộ Luật Dân sự trước khi thông báo công khai về việc bán đấu giá. Bên có lỗi làm cho hợp đồng bị đình chỉ phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.

Điều 11.- Niêm yết việc bán đấu giá.

1. Trước khi tiến hành bán đấu giá bảy ngày đối với động sản và ba mươi ngày đối với bất động sản, người bán đấu giá phải niêm yết việc bán đấu giá tại nơi bán đấu giá, nơi trưng bày tài sản, nơi

đặt trụ sở của người bán đấu giá, nơi có bất động sản bán đấu giá.

2. Bản niêm yết việc bán đấu giá có nội dung như sau:

- a) Thời gian, địa điểm bán đấu giá;
- b) Tên, địa chỉ người bán đấu giá;
- c) Tên, địa chỉ của người bán tài sản;
- d) Danh mục tài sản, số lượng, chất lượng;
- d) Giá khởi điểm;
- e) Những thông tin cần thiết liên quan đến tài sản, bao gồm cả thông tin mà người bán tài sản yêu cầu thông báo công khai;
- f) Địa điểm, thời gian trưng bày tài sản;
- i) Địa điểm, thời gian tham khảo hồ sơ tài sản.

3. Trong trường hợp có người đăng ký mua tài sản bán đấu giá theo quy định tại Điều 14 của Quy chế này, thì danh sách những người đăng ký mua cũng phải được niêm yết tại nơi bán đấu giá hai ngày trước khi tiến hành cuộc bán đấu giá.

Điều 12.- Thông báo công khai.

1. Đồng thời với việc niêm yết việc bán đấu giá, người bán đấu giá phải thông báo công khai hai lần về việc bán đấu giá trong những trường hợp được quy định tại Khoản 2 Điều này về việc bán đấu giá, mỗi lần cách nhau ba ngày trên các phương tiện thông tin đại chúng. Thời hạn thông báo và nội dung thông báo công khai được thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Quy chế này.

2. Việc bán đấu giá bất động sản và động sản có giá khởi điểm từ mười triệu đồng trở lên thì bắt buộc phải được thông báo công khai. Trong trường hợp tài sản bán đấu giá là động sản có giá khởi điểm dưới mười triệu đồng, nếu người bán tài sản yêu cầu thông báo công khai về việc bán đấu giá, thì cũng được thông báo công khai.

Điều 13.- Những người không được tham gia đấu giá.

Những người sau đây không được tham gia đấu giá tài sản:

1. Người không có quyền mua tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật;

2. Người không có năng lực hành vi dân sự, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định từ Điều 23 đến Điều 25 của Bộ Luật Dân sự hoặc là người tại thời điểm đấu giá không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;

3. Những người làm việc trong tổ chức bán đấu giá tài sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con của những người đó;

4. Người đã trực tiếp thực hiện việc giám định tài sản bán đấu giá; cha, mẹ, vợ, chồng và con của người đó.

Điều 14.- Đăng ký mua tài sản bán đấu giá.

1. Người muốn tham gia đấu giá bất động sản hoặc động sản có giá khởi điểm từ mười triệu đồng trở lên phải đăng ký mua chậm nhất là hai ngày trước ngày mở cuộc bán đấu giá và phải nộp một khoản tiền đặt trước bằng 1% giá khởi điểm.

2. Trong trường hợp mua được tài sản bán đấu giá thì khoản tiền đặt trước được trừ vào giá mua, nếu không mua được thì khoản tiền đặt trước được trả lại cho người nộp ngay sau khi cuộc bán đấu giá kết thúc.

Trong trường hợp người muốn tham gia đấu giá đã nộp một khoản tiền đặt trước nhưng sau đó không tham gia đấu giá, thì khoản tiền đặt trước đó được nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Điều 15.- Trưng bày, xem tài sản bán đấu giá.

1. Tài sản hoặc mẫu tài sản là động sản, nếu tài sản đó có giá khởi điểm từ mười triệu đồng trở lên phải được trưng bày từ khi niêm yết và thông báo công khai cho đến trước ngày mở cuộc bán đấu giá hai ngày tại địa điểm đã thông báo. Trên tài sản hoặc mẫu tài sản phải ghi rõ tài sản đó thuộc lô hàng, danh mục tài sản nào, tên người bán tài sản.

2. Đối với bất động sản bán đấu giá, thì thời gian để người tham gia đấu giá được xem từ khi niêm yết và thông báo công khai cho đến trước ngày mở cuộc bán đấu giá hai ngày tại nơi có bất động sản.

3. Đối với tài sản là động sản có giá khởi điểm dưới mười triệu đồng thì ít nhất trong thời hạn hai ngày trước khi mở cuộc bán đấu giá, người bán đấu giá phải tạo điều kiện cho mọi người được xem tài sản bán đấu giá.

Điều 16.- Tiến hành bán đấu giá.

Tại cuộc bán đấu giá, người điều hành bán đấu giá thực hiện các hành vi sau đây:

1. Giới thiệu bản thân và người giúp việc, nếu có.

2. Điểm danh người đã đăng ký tham gia đấu giá tài sản.

3. Giới thiệu từng tài sản bán đấu giá, nhắc lại giá khởi điểm, trả lời các câu hỏi của người tham

gia đấu giá và yêu cầu người tham gia đấu giá trả giá.

4. Nhắc lại một cách rõ ràng, chính xác bằng lời nói giá đã trả sau cùng cao hơn giá người trước đã trả, mỗi lần cách nhau ba mươi giây (30 giây).

5. Người điều hành bán đấu giá chỉ được công bố người mua được tài sản bán đấu giá, nếu sau ba lần nhắc lại giá người đó đã trả mà không có người nào trả giá cao hơn. Trong trường hợp có nhiều người cùng trả một giá thì người điều hành bán đấu giá tổ chức việc rút thăm giữa những người đó và công bố người rút trúng thăm là người mua được tài sản bán đấu giá.

6. Người điều hành bán đấu giá phải ghi rõ kết quả bán đấu giá vào Sổ đăng ký bán đấu giá tài sản và ghi vào Văn bản bán đấu giá tài sản có chữ ký của người điều hành bán đấu giá, người mua và hai người chứng kiến trong số những người tham gia đấu giá. Văn bản bán đấu giá tài sản được lập ngay tại cuộc bán đấu giá. Đối với tài sản bán đấu giá là bất động sản thì Văn bản bán đấu giá phải được Công chứng Nhà nước nơi có bất động sản chứng nhận.

Trong trường hợp giá đã trả cao nhất thấp hơn so với giá khởi điểm, thì cuộc bán đấu giá xem như không thành, người bán đấu giá và người bán tài sản có thể thỏa thuận tổ chức bán đấu giá lần thứ hai hoặc các lần tiếp theo. Lần bán đấu giá sau cũng được tiến hành theo thủ tục của Quy chế này như đối với tài sản được bán đấu giá lần đầu tiên.

Điều 17.- Văn bản bán đấu giá.

1. Văn bản bán đấu giá tài sản có nội dung sau đây:

- a) Tên, địa chỉ của người bán đấu giá.
- b) Tên, địa chỉ của người điều hành bán đấu giá.
- c) Tên, địa chỉ của người bán tài sản.
- d) Tên, địa chỉ của người mua tài sản.
- đ) Thời gian, địa điểm bán đấu giá.
- e) Tài sản bán đấu giá.
- g) Giá đã bán.
- h) Thời hạn, phương thức, địa điểm thanh toán tiền mua tài sản.
- i) Thời hạn, địa điểm giao tài sản bán đấu giá cho người mua.
- k) Tên, địa chỉ của hai người chứng kiến.

2. Văn bản bán đấu giá tài sản được lập thành bốn bản, một bản người bán đấu giá tài sản giữ,

một bản cho người mua tài sản, một bản cho người bán tài sản và một bản cho cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sở hữu tài sản, trừ trường hợp tài sản bán đấu giá không phải đăng ký quyền sở hữu thì được lập thành ba bản.

Điều 18.- Rút lại giá đã trả.

Tại cuộc bán đấu giá, nếu người đã trả giá cao nhất rút lại giá đã trả, thì việc bán đấu giá được tổ chức lại ngay, và bắt đầu từ giá trả trước đó. Người rút lại giá đã trả không được tham gia trả giá.

Trong trường hợp giá bán tài sản đấu giá thấp hơn giá mà người rút lại giá đã trả thì người rút lại phải trả khoản tiền chênh lệch cho người bán đấu giá, nếu tài sản bán được giá cao hơn thì người rút lại không được hưởng khoản tiền chênh lệch đó.

Nếu cuộc bán đấu giá không thành thì người rút lại giá đã trả phải chịu chi phí cho việc bán đấu giá đó và không được hoàn trả khoản tiền đặt trước đó.

Điều 19.- Từ chối mua.

1. Sau khi Văn bản bán đấu giá đã được lập mà người đã mua được tài sản từ chối mua, thì phải được người bán tài sản chấp thuận, nhưng phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc bán đấu giá, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Trong trường hợp người mua được tài sản bán đấu giá đã nộp một khoản tiền đặt trước mà từ chối mua thì không được hoàn trả khoản tiền đặt trước đó. Khoản tiền đặt trước đó thuộc về người bán tài sản.

Điều 20.- Đăng ký quyền sở hữu.

1. Văn bản bán đấu giá tài sản là văn bản có giá trị xác nhận việc mua bán và làm căn cứ để chuyển quyền sở hữu đối với tài sản bán đấu giá mà theo quy định của pháp luật phải đăng ký quyền sở hữu.

2. Căn cứ vào Văn bản bán đấu giá tài sản và các giấy tờ hợp lệ khác, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm đăng ký quyền sở hữu tài sản cho người mua theo quy định của pháp luật.

Người bán đấu giá có nghĩa vụ làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản cho người mua. Chi phí làm thủ tục chuyển quyền sở hữu được trừ vào tiền bán tài sản.

Điều 21.- Thời hạn hoàn thành thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản.

Đối với tài sản có đăng ký quyền sở hữu thì thời hạn hoàn thành thủ tục chuyển quyền sở hữu là mười lăm ngày đối với động sản và ba mươi ngày đối với bất động sản, kể từ ngày Văn bản bán đấu giá được lập, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Điều 22.- Thời hạn thanh toán tiền mua tài sản.

Thời hạn thanh toán tiền mua tài sản do người bán đấu giá và người mua tài sản thỏa thuận; nếu không có thỏa thuận thì người mua tài sản phải thanh toán đủ tiền cho người bán đấu giá ngay khi nhận tài sản.

Điều 23.- Phương thức thanh toán tiền mua tài sản.

Người bán đấu giá và người mua tài sản thỏa thuận về thanh toán tiền mua tài sản là một lần hay nhiều lần; nếu không có thỏa thuận thì người mua tài sản phải thanh toán một lần đủ số tiền cho người bán đấu giá.

Điều 24.- Địa điểm thanh toán tiền mua tài sản.

Địa điểm thanh toán tiền mua tài sản do người bán đấu giá và người mua tài sản thỏa thuận, nếu không có thỏa thuận thì địa điểm thanh toán là nơi có trụ sở của người bán đấu giá.

Điều 25.- Thời hạn giao tài sản bán đấu giá.

Đối với tài sản không phải đăng ký quyền sở hữu, thì người bán đấu giá phải giao ngay tài sản cho người mua sau khi lập Văn bản bán đấu giá và người mua đã thanh toán xong tiền mua tài sản, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Đối với tài sản có đăng ký quyền sở hữu, thì người bán đấu giá phải giao ngay tài sản cho người mua sau khi người mua đã thanh toán xong tiền mua tài sản, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Điều 26.- Địa điểm giao tài sản bán đấu giá.

Địa điểm giao tài sản bán đấu giá được xác định như sau:

1. Nơi có bất động sản bán đấu giá.

2. Nơi bán đấu giá tài sản là động sản, trừ trường hợp người bán đấu giá và người mua tài sản có thỏa thuận khác.

Điều 27.- Lệ phí.

1. Người bán tài sản phải trả lệ phí bán đấu giá tài sản.

2. Trong trường hợp bán được tài sản bán đấu giá thì mức lệ phí được tính như sau:

www.ThuVienPhapLuat.com
0965074
Tel: +84-8-3845 6684
LawSoft

a) Tài sản bán được có giá trị từ một triệu đồng (1.000.0000) trở xuống thì mức lệ phí là năm mươi nghìn đồng (50.000).

b) Từ trên một triệu đồng (trên 1.000.000) đến một trăm triệu đồng (100.000.000), thì mức lệ phí bằng 5% của giá trị tài sản bán được.

c) Từ trên một trăm triệu đồng (trên 100.000.000) đến một tỷ đồng (1.000.000.000) thì mức lệ phí bằng 2% của giá trị tài sản bán được.

d) Từ trên một tỷ đồng (trên 1.000.000.000) trở lên thì mức lệ phí là hai mươi triệu đồng (20.000.000) + 0,2% của phần giá trị tài sản bán được vượt quá một tỷ đồng.

3. Trong trường hợp không bán được tài sản bán đấu giá thì mức lệ phí bằng 50% của mức lệ phí được quy định tại Khoản 2 Điều này nhưng tối đa không quá ba mươi triệu đồng (30.000.000).

Điều 28.- Chi phí.

Chi phí cho việc bán đấu giá do các bên thỏa thuận; nếu không có thỏa thuận, thì người bán tài sản phải chịu chi phí vận chuyển tài sản đến địa điểm đã thỏa thuận, chi phí thông báo công khai khi tài sản bán đấu giá là động sản có giá khởi điểm dưới mười triệu đồng, chi phí bảo quản tài sản trong trường hợp không giao tài sản cho người bán đấu giá, còn người bán đấu giá chịu chi phí bảo quản tài sản được giao, chi phí thông báo công khai khi tài sản bán đấu giá là bất động sản hoặc là động sản có giá khởi điểm trên mười triệu đồng, chi phí tổ chức việc bán đấu giá và các chi phí khác có liên quan.

Điều 29.- Chịu rủi ro.

Người bán tài sản chịu rủi ro đối với tài sản bán đấu giá không phải đăng ký quyền sở hữu cho đến khi tài sản được giao cho người mua, người mua chịu rủi ro đối với tài sản kể từ khi nhận tài sản bán đấu giá.

Đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, thì người bán tài sản chịu rủi ro cho đến khi hoàn thành thủ tục đăng ký quyền sở hữu cho người mua, người mua chịu rủi ro kể từ thời điểm hoàn thành thủ tục đăng ký, kể cả khi người mua chưa nhận tài sản.

Điều 30.- Trách nhiệm về giá trị, chất lượng của tài sản bán đấu giá.

1. Người bán tài sản, người bán đấu giá không chịu trách nhiệm về giá trị, chất lượng của tài sản bán đấu giá, trừ trường hợp không thông báo đầy đủ cho người tham gia đấu giá những thông tin cần thiết có liên quan đến tài sản bán đấu giá.

2. Trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày mua được tài sản bán đấu giá, người mua có quyền trả

lại tài sản cho người bán đấu giá và yêu cầu bồi thường thiệt hại, nếu chất lượng của tài sản bán đấu giá không đúng như đã thông báo.

Điều 31.- Giải quyết khiếu nại, tranh chấp.

Mọi khiếu nại, tranh chấp liên quan đến việc bán đấu giá tài sản được giải quyết theo quy định của pháp luật.

T.M. Chính phủ
K.T. Thủ tướng
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHAI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 87-CP ngày 19-12-1996 quy định chi tiết việc phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách Nhà nước.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 20 tháng 3 năm 1996;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Thu ngân sách Nhà nước gồm:

1. Thuế, phí, lệ phí do các tổ chức và cá nhân nộp theo quy định của pháp luật;

2. Các khoản thu từ hoạt động kinh tế của Nhà nước:

- Lợi tức từ vốn góp của Nhà nước vào các cơ sở kinh tế;

- Tiền thu hồi vốn của Nhà nước tại các cơ sở kinh tế;